

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THÁP MƯỜI
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08/6/2020
“V/v tranh chấp
hôn nhân và gia đình – Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THÁP MƯỜI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Vững.
2. Ông Mai Văn Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Mỹ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

Trong ngày 08/6/2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 250/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2020, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 170/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 21/5/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Trần Thị T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Xóm T, xã Đ, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

2. Bị đơn: Lê Chí Th, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Ấp 4, xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Có mặt: Chị Trần Thị T; Vắng mặt: Lê Chí Th có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 16/3/2020, chị Trần Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Chí Th quen biết tìm hiểu nhau và tự nguyện đến với nhau, được gia đình hai bên đồng ý tổ chức đám cưới vào năm 2011. Vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 27/02/2013. Thời gian đầu sống chung với nhau hạnh phúc, nhưng thời gian gần đây vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi, không khí gia đình căng thẳng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã cho nhau cơ hội

hàn gắn nhưng cả hai không tìm được tiếng nói chung và không thay đổi được gì, tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã sống ly thân với nhau gần 02 năm nay. Nay, chị cảm thấy không còn tình cảm với anh Th nên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Chí Th.

Về nuôi con chung: Có 02 con chung tên Lê Trần Anh T, sinh ngày 06/01/2011 và Lê Trần Thanh Tr, sinh ngày 28/5/2015.

Hiện hai con đang sống với chị T, chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con, không yêu cầu anh Th cấp dưỡng.

Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo Đơn xin vắng mặt đề ngày 13/5/2020, anh Lê Chí Th ý kiến: Anh không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Mọi quyết định của Tòa án anh chấp nhận không thắc mắc, khiếu nại về sau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về tư cách đương sự: Chị Trần Thị T là nguyên đơn khởi kiện bị đơn anh Lê Chí Th là phù hợp quy định pháp luật.

- Về chấp hành pháp luật: Các đương sự chấp hành nghiêm quy định pháp luật. Tuy nhiên, anh Lê Chí Th có đơn xin vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Chí Th.

- Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Chị T nộp đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Th; Về nuôi con chung chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng hai con; Về tài sản chung và nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là vụ kiện có quan hệ tranh chấp hôn nhân và gia đình – Ly hôn và vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tháp Mười.

[2] Về nội dung:

- Về hôn nhân: Chị T và anh Th tự nguyện đến với nhau, tiến đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện T, tỉnh Đồng Tháp là đúng với quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Tại phiên tòa, chị T cho rằng thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng chỉ được vài năm sau thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến tháng 10/2018. Tình trạng hôn nhân giữa chị và anh Th mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Điều đó, chứng minh tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng trình tự thủ tục của pháp luật nhưng anh Th không có văn bản ý kiến và không đến giải quyết mà có đơn xin vắng mặt. Điều này thể hiện anh Th không có trách nhiệm đối với hôn nhân của mình, không có thiện chí giải quyết mâu thuẫn và hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T.

- *Về nuôi con chung*: Chị T xác định vợ chồng có 02 con chung tên Lê Trần Anh T, sinh ngày 06/01/2011 và Lê Trần Thanh Tr, sinh ngày 28/5/2015. Hiện hai con đang sống với chị T.

Xét yêu cầu của chị T, yêu cầu được tiếp tục nuôi con Lê Trần Anh T, sinh ngày 06/01/2011 là phù hợp với nguyện vọng của cháu Anh T nên yêu cầu của chị T là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của chị T, yêu cầu được nuôi dưỡng con Lê Trần Thanh Tr, sinh ngày 28/5/2015 là có căn cứ phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Chị T người đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu Thanh Tr. Mặt khác, chị T đang buôn bán tại nhà, công việc và thu nhập ổn định, có điều kiện về thời gian chăm sóc, dạy dỗ con, đảm bảo sức khỏe tốt.

Chị T không yêu cầu anh Th cấp dưỡng nuôi hai con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về chia tài sản và nợ chung*: Chị T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị T phải chịu 300.000đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị T được ly hôn với anh Lê Chí Th.

2. Về nuôi con chung: Chấp nhận yêu cầu nuôi con của chị T.

Chị Trần Thị T được quyền tiếp tục nuôi dưỡng hai con Lê Trần Anh T, sinh ngày: 06/01/2011 và Lê Trần Thanh Tr, sinh ngày: 28/5/2015 (hai con đang sống với chị T).

Anh Th không phải cấp dưỡng nuôi các con do chị T không có yêu cầu.

Chị T, anh Th có nghĩa vụ trông nom, chăm sóc giáo dục con chung, không bên nào được quyền ngăn cấm. Anh Th được quyền thăm con, không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí: Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng theo biên lai thu số 0000435 ngày 28/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tháp Mười; Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Chị T được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Th vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

7. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- Chi cục THADS cùng cấp;
- Đương sự;
- Lưu HSVA (Linh).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Ngọc